

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS-ST

Ngày: 15-8-2017

V/v: “*Tranh chấp nợ hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp nợ hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị Diễm M, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Việt T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 31/5/2015(Có mặt);

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông C: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp BAB, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre; Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 03/7/2017(Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Việt T trình bày:

Do có quen biết với bà Nguyễn Mỹ H nên bà có tham gia chơi hui do bà H làm chủ hui. Đến ngày 20/12/2016 (âm lịch) bà H tuyên bố bế hui, bà H đồng ý trả lại tiền vốn cho bà. Vào ngày 25/01/2017, bà với bà H tính tổng cộng lại tiền vốn mà bà đã đóng hui cho bà H là

335.590.000đồng. Bà H đã viết biên nhận trả tiền nợ hội cho bà là 335.590.000đồng. Cụ thể các dây hội chơi như sau:

- Dây hội thứ nhất: Bắt đầu khai ngày 10/01/2015 âm lịch, 01 tháng khai hội 01 lần; tổng cộng có 24 phần, mỗi phần hội đóng là 3.000.000đồng, bà tham gia chơi 02 phần. Bà đã đóng được 23 kỳ thì bà H tuyên bố bế hội. Tổng số tiền hội gốc bà đã đóng cho bà H là 135.000.000đồng.

- Dây hội thứ hai: Bắt đầu khai ngày 05/02/2016 âm lịch, 01 tháng khai hội 02 lần; tổng cộng có 25 phần, mỗi phần hội đóng là 2.000.000đồng, bà tham gia chơi 02 phần. Bà đã đóng được 21 kỳ thì bà H tuyên bố bế hội. Tổng số tiền hội gốc bà đã đóng cho bà H là 69.520.000đồng.

- Dây hội thứ ba: Bắt đầu khai ngày 20/02/2016 âm lịch, 01 tháng khai hội 02 lần; tổng cộng có 25 phần, mỗi phần hội đóng là 2.000.000đồng, bà tham gia chơi 02 phần. Mỗi phần bà đã đóng được 20 kỳ thì bà H tuyên bố bế hội. Tổng số tiền hội gốc bà đã đóng cho bà H là 66.390.000đồng.

- Dây hội thứ tư: Bắt đầu khai ngày 10/6/2016 âm lịch, 01 tháng khai hội 02 lần; tổng cộng có 25 phần, mỗi phần hội đóng là 2.000.000đồng, bà tham gia chơi 04 phần. Mỗi phần bà đã đóng được 13 kỳ thì bà H tuyên bố bế hội. Tổng số tiền hội gốc bà đã đóng cho bà H là 64.680.000đồng.

Từ khi bế hội bà H viết giấy nợ cho bà và hứa sẽ thanh toán cho bà vào đầu năm Đinh Dậu (năm 2017) nhưng đến nay bà H vẫn không thanh toán số tiền trên. Nay bà yêu cầu bà H và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hội là 335.590.000đồng. Bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2017, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày:

Bà H thừa nhận trước đây bà có làm chủ hội, bà M có tham gia chơi hội nhưng sau đó bị bế hội. Bà có viết biên nhận nợ tiền hội của bà M là 335.590.000đồng, số tiền bà ghi trong biên nhận nợ hội là tiền vốn gốc mà các hội viên đã đóng hội, không có tiền lời hay tiền lãi và bà đồng ý trả tiền nợ hội cho bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C là chồng bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vẫn không đến Tòa án, vì vậy Tòa án không lấy ý kiến của ông C cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Bà M có tham gia chơi 04 dây hội do bà H làm chủ. Bà H thừa nhận các khoản nợ theo giấy biên nhận nợ mà bà H đã viết cho các hội viên là tiền vốn gốc và đồng ý trả. Do bà H và ông C là vợ chồng nên ông C có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là 335.590.000đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét đây là quan hệ tranh chấp nợ tiền nợ hội giữa bà Huỳnh Thị Diễm M với bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C; do bà H và ông C hiện nay đang cư trú tại phường Phú Khương, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải cho bà H và ông C nhiều lần nhưng bà H và ông C vẫn vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà H và ông C vẫn vắng mặt. Bà H và ông C có làm giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Bảo Q tham gia tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Quốc vẫn không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố BT tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông C là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, việc bà M có chơi 04 dây hụi do bà H làm chủ hụi là có thật. Bà H thừa nhận bị bẻ hụi, bà H có viết biên nhận nợ tiền hụi gốc của bà M tổng cộng số tiền là 335.590.000 đồng. Số tiền bà H ghi trong biên nhận nợ hụi là tiền vốn gốc không có tiền lãi hay tiền lãi. Bà H đồng ý trả tiền nợ hụi cho bà M nên buộc bà H trả nợ cho bà M là phù hợp. Tuy nhiên bà H không đồng ý về việc ông C liên đới trách nhiệm với bà trả nợ do ông C không liên quan gì đến việc chơi hụi của bà, mọi việc góp hụi một mình bà làm, ông C không có tham gia góp hụi. Xét thấy bà H và ông C là vợ chồng đồng thời căn cứ biên bản làm việc ngày 23/3/2017 thì ông C trình bày ông biết việc bà H làm chủ hụi và đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ hụi với bà H nên ông C và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi cho bà M là phù hợp.

Xét yêu cầu của bà M về việc buộc ông C và bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà M tiền nợ hụi 335.590.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Diễm M không phải chịu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(335.590.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 16.779.500$ (Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm) đồng, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biếu, phường;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Diễm M, cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Diễm M số tiền nợ hụi là 335.590.000 (Ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ngàn) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.779.500 (Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm) đồng, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới chịu.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Diễm M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.467.000(Ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn)đồng theo biên lai số 0010394 ngày 03 tháng 4 năm 2017.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang